

Số: /SGDDĐT- QLCL  
V/v hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Các trường trung học phổ thông;
- Các trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên.

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026;

Để chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các trường trung học phổ thông, các trường phổ thông có nhiều cấp học, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (gọi tắt là các đơn vị) một số nội dung sau:

### 1. Môn thi

Tổ chức Kỳ thi gồm 03 buổi thi: 01 buổi thi môn **Ngữ văn**, 01 buổi thi môn **Toán** và 01 buổi thi của **bài thi tự chọn gồm 02 môn thi** trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ định hướng Công nghiệp (gọi tắt là Công nghệ Công nghiệp), Công nghệ định hướng Nông nghiệp (gọi tắt là Công nghệ Nông nghiệp), Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn).

### 2. Nội dung thi, hình thức thi

- Nội dung thi: Bám sát nội dung của Chương trình GDPT hiện hành cấp trung học phổ thông, chủ yếu là chương trình lớp 12.

- Hình thức thi, thời gian làm môn thi/bài thi: Thực hiện theo quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT được Bộ GDĐT ban hành.

### 3. Lịch thi

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài	
10/6/2026	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi				
11/6/2026	SÁNG	Ngữ văn	120 phút	<b>07 giờ 30</b>	<b>07 giờ 35</b>	
	CHIỀU	Toán	90 phút	<b>14 giờ 20</b>	<b>14 giờ 30</b>	
12/6/2026	SÁNG	Bài thi tự chọn	Môn thứ 1	50 phút	<b>07 giờ 30</b>	<b>07 giờ 35</b>
			Môn thứ 2	50 phút	<b>08 giờ 35</b>	<b>08 giờ 40</b>
13/6/2026		Dự phòng				

#### 4. Đối tượng, điều kiện dự thi

##### 4.1. Đối tượng dự thi gồm:

- a) Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX trong năm tổ chức kỳ thi;
- b) Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- c) Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh;
- d) Người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

Quy ước: đối tượng dự thi quy định tại các mục b), c), d) ở trên gọi là “thí sinh tự do”.

##### 4.2. Điều kiện dự thi:

- a) Các đối tượng dự thi phải đăng ký dự thi (ĐKDT) và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn;
- b) Đối tượng quy định tại điểm d) khoản 4.1 ở trên phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT.

## 5. Đăng ký dự thi

### 5.1. Nơi ĐKDT:

- a) Học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026 ĐKDT trực tuyến;
- b) Thí sinh tự do ĐKDT trực tiếp hoặc trực tuyến tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và Trường THCS&THPT Võ Thị Sáu.

### 5.2. Đăng ký môn thi:

- a) Để xét công nhận tốt nghiệp THPT: Thí sinh phải đăng ký dự thi môn Ngữ văn, môn Toán và 01 bài thi tự chọn gồm 02 môn thi trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ.

Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông;

- b) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm c), d) **mục 4.1.** ở trên chỉ đăng ký môn thi theo nguyện vọng. Riêng đối với bài thi tự chọn, thí sinh chỉ được chọn tối đa 02 môn thi.

## 6. Hồ sơ ĐKDT:

- a) Phiếu ĐKDT;
- b) Các loại chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có);
- c) Ảnh bảo đảm độ phân giải tối thiểu là 400x600 pixels được chụp theo kiểu căn cước/căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng;
- d) Bản sao học bạ THPT (đối với thí sinh thuộc điểm b), **mục 4.1.** ở trên );
- đ) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thuộc điểm c), **mục 4.1.** ở trên );
- e) Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp, bản sao Sổ học tập hoặc bảng điểm học các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT (đối với thí sinh thuộc điểm d), **mục 4.1.** ở trên);
- g) Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có) do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận hoặc do sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi xác nhận trong trường hợp thí sinh dự thi tại tỉnh khác.

## **7. Nộp hồ sơ ĐKDT đối với học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026:**

a) Thí sinh ĐKDT theo hình thức trực tuyến: khai hồ sơ trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử do Bộ GDĐT quy định và nộp bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu (gọi chung là bản sao) các hồ sơ minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích cho nơi ĐKDT;

b) Đối với thí sinh không thể ĐKDT theo hình thức trực tuyến có thể nộp hồ sơ trực tiếp như sau: khai hồ sơ ĐKDT theo mẫu do Bộ GDĐT ban hành và nộp cho nơi ĐKDT kèm theo bản sao các minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có).

## **8. Nộp hồ sơ ĐKDT đối với thí sinh tự do:**

a) Thí sinh ĐKDT theo hình thức trực tuyến: liên hệ nơi ĐKDT để cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập, sau khi khai hồ sơ ĐKDT, in phiếu ĐKDT được tải về từ hệ thống thành 02 bản, nộp cho nơi ĐKDT; bản sao các hồ sơ minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có) được nộp cho nơi ĐKDT cùng với phiếu ĐKDT và các hồ sơ được quy định tại điểm d), đ), e), g) **mục 6.** ở trên;

b) Đối với thí sinh không thể ĐKDT theo hình thức trực tuyến có thể nộp hồ sơ trực tiếp như sau: khai hồ sơ ĐKDT theo mẫu do Bộ GDĐT ban hành và nộp cho nơi ĐKDT kèm theo bản sao các minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có).

## **9. Thời gian nộp hồ sơ ĐKDT**

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT theo thời gian được quy định tại **Phụ lục I**. Khi hết hạn nộp hồ sơ ĐKDT, nếu phát hiện có nhầm lẫn, sai sót, thí sinh phải thông báo kịp thời cho nơi ĐKDT hoặc thông báo cho Điểm thi trong ngày làm thủ tục dự thi để sửa chữa, bổ sung.

## **10. Tổ chức ĐKDT:**

a) Thí sinh ĐKDT theo các quy định tại các **mục 5., 6., 7., 8., 9.** ở trên;

b) Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT cùng với hồ sơ ĐKDT;

c) Thủ trưởng các đơn vị hoặc thủ trưởng đơn vị nơi ĐKDT chịu trách nhiệm:

- Cấp tài khoản và mật khẩu cho học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026; hướng dẫn thí sinh chuẩn bị hồ sơ để đăng ký dự thi trực tuyến; hướng dẫn thí sinh ĐKDT; thu Phiếu ĐKDT, nhập thông tin thí sinh ĐKDT (đối với thí sinh đăng ký trực tiếp);

- Thu hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do; cấp tài khoản cho thí sinh ngay khi thu hồ sơ (đối với trường hợp thí sinh đăng ký trực tiếp);

- Rà soát, cập nhật thông tin về kết quả học tập của thí sinh ở trường phổ thông; tra cứu thông tin từ nguồn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác nhận diện ưu tiên theo nơi thường trú, đối tượng người dân tộc thiểu số cho thí sinh (thực hiện trên Hệ thống Quản lý thi);

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ ĐKDT và thông báo công khai những trường hợp không đủ điều kiện dự thi quy định tại **mục 4** ở trên chậm nhất trước ngày thi 05 ngày; quản lý hồ sơ ĐKDT và chuyển hồ sơ, dữ liệu ĐKDT cho Sở GDĐT;

d) Tài khoản của thí sinh là số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (viết tắt là CCCD)/mã số định danh cá nhân (viết tắt là ĐDCN) do cơ quan Công an cấp. Đối với thí sinh không có Thẻ Căn Cước/CCCD/ĐDCN hoặc không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng số Hộ chiếu của thí sinh để thay thế. Trường hợp thí sinh không có Thẻ Căn Cước/CCCD/ĐDCN/số Hộ chiếu thì Hệ thống QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý;

### **11. Rà soát dữ liệu:**

a) Các đơn vị ĐKDT: kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, xét công nhận tốt nghiệp THPT, các thông tin về diện ưu tiên, khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp THPT; tổ chức lưu giữ hồ sơ ĐKDT của các đối tượng dự thi;

b) Để bảo đảm dữ liệu tổ chức thi là chính xác, các đơn vị ĐKDT in thông tin của thí sinh đang học lớp 12 từ Hệ thống QLT (Phiếu ĐKDT, Phiếu Đăng ký xét công nhận tốt nghiệp) và tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.

### **12. Phần mềm dùng trong Kỳ thi**

Các đơn vị ĐKDT thống nhất sử dụng Hệ thống phần mềm quản lý thi tốt nghiệp THPT năm 2026 do Bộ GDĐT cung cấp (gọi tắt là phần mềm QLT); thực hiện đúng quy trình, cấu trúc, thời hạn xử lý dữ liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Sở GDĐT.

### **13. Tổ chức tập huấn Quy chế thi**

Sở GDĐT yêu cầu lãnh đạo các đơn vị tổ chức tập huấn Quy chế thi cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường, trước ngày 30/5/2026, ghi biên bản tổ chức tập huấn và lưu tại đơn vị.

#### **14. Chế độ báo cáo và lưu trữ**

##### a) Chế độ báo cáo

Các đơn vị phải thực hiện chế độ báo cáo nghiêm túc, kịp thời, đúng biểu mẫu quy định; phải cập nhật đầy đủ số liệu của Kỳ thi và kiểm tra để đảm bảo chính xác trước khi báo cáo Sở GDĐT.

##### b) Địa chỉ nhận báo cáo

- Gửi e-mail: phongtkd.sodongnai@moet.edu.vn;

- Gửi công văn theo địa chỉ: Phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai, số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trảng Biên, Đồng Nai.

##### c) Thời gian, nội dung và hình thức báo cáo

Theo quy định tại **Phụ lục I** đính kèm.

#### **15. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với những người tham gia tổ chức kỳ thi**

##### **15.1.** Những người tham gia tổ chức kỳ thi phải:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm cao;

b) Nắm vững nghiệp vụ làm công tác thi;

c) Không đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị kết án mà chưa hết thời hạn xoá kỷ luật hoặc xoá án tích.

**15.2.** Những người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột; cha, mẹ, anh ruột, chị ruột, em ruột của vợ hoặc chồng; người giám hộ; người được giám hộ (gọi chung là người thân) dự thi trong năm tổ chức kỳ thi không được tham gia công tác ra đề thi cho kỳ thi và không được tham gia tổ chức thi tại địa phương nơi có người thân dự thi.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện hướng dẫn tại Công văn này. Nếu có vướng mắc liên hệ về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng QLCL); điện thoại 02513 842445 hoặc 0379005566 (ông Dương Văn Ca, PTP QLCL)/.

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Hồng Thắng**

**Phụ lục I****LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDĐT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ /2026 của Sở GDĐT)

<b>TT</b>	<b>Nội dung công tác</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị tham gia</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1.	Rà soát, cập nhật thông tin của học sinh, học viên (gọi chung là học sinh) đang học lớp 12 trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, gồm: - Thông tin cá nhân học sinh;	Các đơn vị		Hoàn thành trước 17 giờ ngày 16/4/2026
	- Thông tin kết quả học tập của học sinh.			Hoàn thành trước 17 giờ ngày 31/5/2026
2.	- Lập và giao tài khoản cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026 (gọi tắt là thí sinh đang học lớp 12).	Các đơn vị		- Hoàn thành trước 17 giờ ngày 16/4/2026
	- Tổ chức cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 thử đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến trên Hệ thống quản lý thi.			- Từ ngày 17/4/2026 đến 17 giờ hết ngày 21/4/2026
	- Tổ chức cho các thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến; nhập phiếu ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp đối với các thí sinh nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp.			- Từ ngày 24/4/2026 đến 17 giờ ngày 05/5/2026
3.	Nộp hồ sơ miễn thi tốt nghiệp THPT năm 2026	Các đơn vị	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 05/5/2026
4.	Rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có), rà soát điểm bảo lưu của thí sinh (nếu có)..	Các đơn vị	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 09/5/2026
5.	Tra cứu thông tin từ nguồn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác nhận diện ưu tiên theo nơi thường trú, đối tượng người dân tộc thiểu số cho thí sinh.	Các đơn vị	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 09/5/2026

<b>TT</b>	<b>Nội dung công tác</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị tham gia</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
6.	In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh; in, ký tên và đóng dấu trên Phiếu ĐKDT đối với thí sinh đăng ký ĐKDT trực tuyến, cho thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên Phiếu và danh sách; bàn giao cho thí sinh Phiếu ĐKDT.	Các đơn vị		Hoàn thành chậm nhất ngày 13/5/2026
7.	Kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh.	Sở GDĐT	Các đơn vị	Hoàn thành chậm nhất ngày 15/5/2026
8.	Hoàn thành chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có); duyệt thông tin ĐKDT. Lưu Phiếu ĐKDT theo quy định.	Sở GDĐT	Các đơn vị	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/5/2026
9.	Rà soát dữ liệu kết quả học tập, kết quả rèn luyện của thí sinh; cho học sinh rà soát, ký xác nhận; duyệt thông tin xét công nhận tốt nghiệp trên hệ thống QLT.	Sở GDĐT	Các đơn vị	Hoàn thành chậm nhất ngày 02/6/2026
10.	Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi	Các đơn vị		Hoàn thành chậm nhất ngày 05/6/2026
11.	Đánh số báo danh, xếp phòng thi theo từng bài thi/môn thi tại các Điểm thi.	Hội đồng thi		Hoàn thành chậm nhất ngày 03/6/2026
12.	In các tài liệu cho công tác tổ chức thi và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh.	các đơn vị	Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 06/6/2026
13.	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi tại các Điểm thi.	Hội đồng thi	Các Điểm thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 06/6/2026
14.	Bàn giao đề thi đã in sao cho các Điểm thi	Ban In sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi	Các Điểm thi	Do Chủ tịch Hội đồng thi quy định
15.	Tập huấn nghiệp vụ coi thi cho cán bộ coi thi	Sở GDĐT	Các trường phổ thông, cá nhân và đơn vị có liên quan	Hoàn thành chậm nhất ngày 08/6/2026

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
16.	Ban coi thi làm việc	Ban coi thi	Sở GDĐT	Từ ngày 09/6/2026
17.	<b>Tổ chức coi thi.</b>	<b>Ban Coi thi của Hội đồng thi</b>	<b>Sở GDĐT</b>	<b>Theo lịch thi</b>
18.	Cập nhật báo cáo nhanh tình hình coi thi từng buổi thi tại các Hội đồng thi vào Hệ thống QLT.	Hội đồng thi	Các Điểm thi	Buổi sáng, chậm nhất 8 giờ 30. Buổi chiều, chậm nhất 15 giờ 00
19.	Nộp hồ sơ xét đặc cách (nếu có)	Các đơn vị	Sở GDĐT	Chậm nhất ngày 16/6/2026
20.	<b>Công bố kết quả thi</b>	<b>Hội đồng thi</b>	<b>Sở GDĐT; các đơn vị</b>	<b>8h00 ngày 01/7/2026</b>
21.	Xét công nhận tốt nghiệp THPT.	Sở GDĐT	Các đơn vị	Hoàn thành chậm nhất ngày 03/7/2026
22.	Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo.	Các đơn vị	Sở GDĐT	Từ ngày 01/7 đến hết ngày 05/7/2026
23.	Chuyển dữ liệu phúc khảo cho Hội đồng thi	Các đơn vị	Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 06/7/2026
24.	Cấp Giấy chứng nhận kết quả thi; trả học bạ và các loại Giấy chứng nhận liên quan (bản chính) cho thí sinh.	Thủ trưởng các đơn vị		Hoàn thành chậm nhất ngày 07/7/2026
25.	Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có)	Hội đồng thi	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/7/2026
26.	Xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo	Sở GDĐT	Các đơn vị	Chậm nhất ngày 23/7/2026

**Phụ lục II****DANH SÁCH ĐIỂM TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDĐT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ của Sở GDĐT)

STT	Mã tỉnh	Mã ĐKDT	Tên điểm tiếp nhận	Ghi chú
1.	75	001	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	Đăng ký dự thi đối với học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026 và thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT
2.	75	002	THPT Trần Biên	
3.	75	003	THPT Tam Hiệp	
4.	75	004	THPT Lê Quý Đôn	
5.	75	005	Phổ thông Thực hành Sư phạm	
6.	75	006	TC Kinh tế - Kỹ thuật số 2	
7.	75	007	TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân	
8.	75	008	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng	
9.	75	009	THPT Ngô Quyền	
10.	75	010	THPT Nam Hà	
11.	75	011	THPT Nguyễn Khuyến	
12.	75	012	TH-THCS-THPT Song Ngữ Lạc Hồng	
13.	75	013	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	
14.	75	014	CD kỹ thuật Đồng Nai	
15.	75	015	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Quyết Thắng	
16.	75	016	TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu	
17.	75	017	THPT Chu Văn An	
18.	75	018	TH-THCS-THPT Tân Hòa	
19.	75	019	THPT Nguyễn Trãi	
20.	75	020	THPT Lê Hồng Phong	
21.	75	021	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	
22.	75	022	THPT Lê Quý Đôn-Long Bình Tân	
23.	75	023	THPT Tam Phước	
24.	75	024	PT Năng Khiếu Thể Thao	
25.	75	025	THPT Vĩnh Cửu	
26.	75	026	THPT Trị An	
27.	75	027	THCS-THPT Hùng Vương	
28.	75	028	THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ	
29.	75	029	TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	
30.	75	030	CD Cơ giới và Thủy lợi	
31.	75	031	CD Hòa Bình Xuân Lộc	
32.	75	032	THPT Văn Lang	
33.	75	033	THPT Thống Nhất A	

34.	75	034	THPT Ngô Sĩ Liên
35.	75	035	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Đồng Nai
36.	75	036	TH-THCS-THPT Trần Quốc Tuấn
37.	75	037	TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
38.	75	038	THPT Lâm Nghiệp Đồng Nai
39.	75	039	THCS và THPT Bàu Hàm
40.	75	040	THPT Tân Phú
41.	75	041	THPT Định Quán
42.	75	042	THPT Phú Ngọc
43.	75	043	THPT Điều Cải
44.	75	044	THCS-THPT Lạc Long Quân
45.	75	045	THCS-THPT Tây Sơn
46.	75	046	THCS-THPT Suối Nho
47.	75	047	THPT Thống Nhất
48.	75	048	THPT Dầu Giây
49.	75	049	THPT Kiệm Tân
50.	75	050	THPT Long Khánh
51.	75	051	THPT Hoàng Diệu
52.	75	052	TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký
53.	75	053	THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh
54.	75	054	THPT Văn Hiến
55.	75	055	TH-THCS-THPT Liên Kết Quốc Tế
56.	75	056	THPT Nguyễn Huệ
57.	75	057	THPT Trần Phú
58.	75	058	THPT Long Thành
59.	75	059	THPT Nguyễn Đình Chiểu
60.	75	060	THPT Bình Sơn
61.	75	061	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng 2
62.	75	062	THCS-THPT Tri Thức
63.	75	063	CD Công Nghệ Quốc Tế LiLaMa2
64.	75	064	CD công nghệ cao Đồng Nai
65.	75	065	THPT Long Phước
66.	75	066	THPT Phước Thiện
67.	75	067	THPT Nguyễn Bình Khiêm
68.	75	068	THPT Nhơn Trạch
69.	75	069	THPT Xuân Lộc
70.	75	070	THPT Xuân Thọ
71.	75	071	TH-THCS-THPT Hồng Bàng
72.	75	072	THPT Xuân Hưng

73.	75	073	THPT Đoàn Kết
74.	75	074	THCS-THPT Ngọc Lâm
75.	75	075	THPT Thanh Bình
76.	75	076	THCS-THPT ĐắkLúa
77.	75	077	THPT Tôn Đức Thắng
78.	75	078	THPT Cẩm Mỹ
79.	75	079	THPT Võ Trường Toản
80.	75	080	THPT Sông Ray
81.	75	081	Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi
82.	75	082	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú
83.	75	100	Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai
84.	75	101	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 9
85.	75	102	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 8
86.	75	103	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 2
87.	75	104	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 7
88.	75	105	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 3
89.	75	106	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 4
90.	75	107	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 5
91.	75	108	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 10
92.	75	109	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 6
93.	75	110	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 1
94.	75	201	THPT Đồng Phú
95.	75	202	THCS&THPT Đồng Tiến
96.	75	203	THPT Đồng Xoài
97.	75	204	THPT Nguyễn Du
98.	75	205	THPT Hùng Vương
99.	75	206	THPT chuyên Quang Trung
100.	75	207	PTDTNT THPT Bình Phước
101.	75	208	THPT Bù Đăng
102.	75	209	THPT Lê Quý Đôn
103.	75	210	THPT Thống Nhất B
104.	75	211	THCS&THPT Đăng Hà
105.	75	212	THCS&THPT Lương Thế Vinh
106.	75	213	PTDTNT THCS&THPT Điều Ong
107.	75	214	THPT Phú Riêng
108.	75	215	THPT Nguyễn Khuyến A
109.	75	216	THPT Ngô Quyền A
110.	75	217	THPT Phước Long
111.	75	218	THPT Phước Bình

112.	75	219	THPT Đa Kì
113.	75	220	THPT Đăk Ô
114.	75	221	THCS&THPT Đăk Mai
115.	75	222	THCS&THPT Võ Thị Sáu
116.	75	223	PTDNT THCS&THPT Bù Gia Mập
117.	75	224	THPT Thanh Hòa
118.	75	225	THCS&THPT Tân Tiến
119.	75	226	THPT Lộc Ninh
120.	75	227	THPT Lộc Thái
121.	75	228	THPT Lộc Hiệp
122.	75	229	THPT Bình Long
123.	75	230	THPT Nguyễn Huệ A
124.	75	231	THPT chuyên Bình Long
125.	75	232	THPT Nguyễn Hữu Cảnh A
126.	75	233	THPT Trần Phú A
127.	75	234	THPT Chợ Thành
128.	75	235	THPT Chu Văn An A
129.	75	236	THCS&THPT Minh Hưng
130.	75	237	THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm
131.	75	301	TT GDNN-GDTX khu vực 11
132.	75	302	TT GDNN-GDTX khu vực 12
133.	75	303	TT GDNN-GDTX khu vực 13
134.	75	304	TT GDNN-GDTX khu vực 14
135.	75	305	TT GDNN-GDTX khu vực 15
136.	75	306	TT GDNN-GDTX khu vực 16
137.	75	307	TT GDNN-GDTX khu vực 17
138.	75	901	Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai (TD)
139.	75	902	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 9 (TD)
140.	75	903	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 8 (TD)
141.	75	904	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 2 (TD)
142.	75	905	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 7 (TD)
143.	75	906	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 3 (TD)
144.	75	907	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 4 (TD)
145.	75	908	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 5 (TD)
146.	75	909	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 10 (TD)
147.	75	910	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 6 (TD)
148.	75	911	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 1 (TD)
149.	75	920	THCS&THPT Võ Thị Sáu (TD)
150.	75	921	TT GDNN-GDTX khu vực 11 (TD)

Đăng ký dự thi đối  
với thí sinh tự do (đã  
tốt nghiệp THPT)

151.	75	922	TT GDNN-GDTX khu vực 12 (TD)
152.	75	923	TT GDNN-GDTX khu vực 13 (TD)
153.	75	924	TT GDNN-GDTX khu vực 14 (TD)
154.	75	925	TT GDNN-GDTX khu vực 15 (TD)
155.	75	926	TT GDNN-GDTX khu vực 16 (TD)
156.	75	927	TT GDNN-GDTX khu vực 17 (TD)

**Phụ lục III**  
**MÃ TRƯỜNG THPT**

(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ của Sở GDĐT)

<b>Mã Trường</b>	<b>Tên Trường</b>	<b>Khu vực</b>
001	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	Khu vực 2
002	THPT Trần Biên	Khu vực 2
003	THPT Tam Hiệp	Khu vực 2
004	THPT Lê Quý Đôn-TM	Khu vực 2
005	Phổ thông Thực hành Sư phạm	Khu vực 2
006	TC Kinh tế - Kỹ thuật số 2	Khu vực 2
007	TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân	Khu vực 2
008	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng	Khu vực 2
009	THPT Ngô Quyền	Khu vực 2
010	THPT Nam Hà	Khu vực 2
011	THPT Nguyễn Khuyến	Khu vực 2
012	TH-THCS-THPT Song Ngữ Lạc Hồng	Khu vực 2
013	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	Khu vực 2
014	CD kỹ thuật Đồng Nai	Khu vực 2
015	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Quyết Thắng	Khu vực 2
016	TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu	Khu vực 2
017	THPT Chu Văn An	Khu vực 2
018	TH-THCS-THPT Tân Hòa	Khu vực 2
019	THPT Nguyễn Trãi	Khu vực 2
020	THPT Lê Hồng Phong	Khu vực 2
021	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Khu vực 2
022	THPT Lê Quý Đôn-Long Bình Tân	Khu vực 2
023	THPT Tam Phước	Khu vực 2
024	PT Năng Khiếu Thể Thao	Khu vực 2
025	THPT Vĩnh Cửu	Khu vực 2
026	THPT Trị An	Khu vực 2 NT
027	THCS-THPT Hùng Vương	Khu vực 2 NT
028	THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ	Khu vực 2 NT
029	TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	Khu vực 2
030	CD Cơ giới và Thủy lợi	Khu vực 2
031	CD Hòa Bình Xuân Lộc	Khu vực 2
032	THPT Văn Lang	Khu vực 2 NT
033	THPT Thống Nhất A	Khu vực 1
034	THPT Ngô Sĩ Liên	Khu vực 1
035	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Đồng Nai	Khu vực 1
036	TH-THCS-THPT Trần Quốc Tuấn	Khu vực 1
037	TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	Khu vực 1
038	THPT Lâm Nghiệp Đồng Nai	Khu vực 1

039	THCS và THPT Bàu Hàm	Khu vực 1
040	THPT Tân Phú	Khu vực 1
041	THPT Định Quán	Khu vực 1
042	THPT Phú Ngọc	Khu vực 1
043	THPT Điều Cải	Khu vực 1
044	THCS-THPT Lạc Long Quân	Khu vực 1
045	THCS-THPT Tây Sơn	Khu vực 1
046	THCS-THPT Suối Nho	Khu vực 2 NT
047	THPT Thống Nhất	Khu vực 2 NT
048	THPT Dầu Giây	Khu vực 1
049	THPT Kiệm Tân	Khu vực 2 NT
050	THPT Long Khánh	Khu vực 1
051	THPT Hoàng Diệu	Khu vực 1
052	TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký	Khu vực 1
053	THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh	Khu vực 1
054	THPT Văn Hiến	Khu vực 1
055	TH-THCS-THPT Liên Kết Quốc Tế	Khu vực 1
056	THPT Nguyễn Huệ	Khu vực 1
057	THPT Trần Phú	Khu vực 2
058	THPT Long Thành	Khu vực 2 NT
059	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Khu vực 2 NT
060	THPT Bình Sơn	Khu vực 2 NT
061	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng 2	Khu vực 2 NT
062	THCS-THPT Tri Thức	Khu vực 2 NT
063	CD Công Nghệ Quốc Tế LiLaMa2	Khu vực 2 NT
064	CD công nghệ cao Đồng Nai	Khu vực 2 NT
065	THPT Long Phước	Khu vực 2 NT
066	THPT Phước Thiện	Khu vực 2 NT
067	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Khu vực 2 NT
068	THPT Nhơn Trạch	Khu vực 2 NT
069	THPT Xuân Lộc	Khu vực 1
070	THPT Xuân Thọ	Khu vực 1
071	TH-THCS-THPT Hồng Bàng	Khu vực 1
072	THPT Xuân Hưng	Khu vực 1
073	THPT Đoàn Kết	Khu vực 1
074	THCS-THPT Ngọc Lâm	Khu vực 1
075	THPT Thanh Bình	Khu vực 1
076	THCS-THPT ĐăkLua	Khu vực 1
077	THPT Tôn Đức Thắng	Khu vực 2 NT
078	THPT Cẩm Mỹ	Khu vực 1
079	THPT Võ Trường Toản	Khu vực 1
080	THPT Sông Ray	Khu vực 1
081	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Khu vực 1
082	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú	Khu vực 1
100	Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai	Khu vực 2
101	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 9	Khu vực 2 NT
102	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 8	Khu vực 1

103	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 2	Khu vực 1
104	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 7	Khu vực 1
105	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 3	Khu vực 1
106	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 4	Khu vực 2 NT
107	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 5	Khu vực 2 NT
108	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 10	Khu vực 1
109	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 6	Khu vực 1
110	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 1	Khu vực 1
201	THPT Đồng Phú (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
202	THPT Đồng Phú (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
203	THCS & THPT Đồng Tiến	Khu vực 1
204	THPT Đồng Xoài (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
205	THPT Đồng Xoài (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
206	THPT Nguyễn Du (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
207	THPT Nguyễn Du (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
208	THPT Hùng Vương (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
209	THPT Hùng Vương (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
210	THPT Chuyên Quang Trung (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
211	THPT Chuyên Quang Trung (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
212	PTDTNT THPT Bình Phước (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
213	PTDTNT THPT Bình Phước (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
214	THPT Bù Đăng (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
215	THPT Bù Đăng (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
216	THPT Lê Quý Đôn	Khu vực 1
217	THPT Thống Nhất B	Khu vực 1
218	THCS & THPT Đăng Hà	Khu vực 1
219	THCS & THPT Lương Thế Vinh	Khu vực 1
220	PTDTNT THCS&THPT Điều Ong (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
221	PTDTNT THCS&THPT Điều Ong (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
222	THPT Phú Riêng (trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
223	THPT Phú Riêng (từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
224	THPT Nguyễn Khuyến A (trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
225	THPT Nguyễn Khuyến A (từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
226	THPT Ngô Quyền A	Khu vực 1
227	THPT Phước Long (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
228	THPT Phước Long (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
229	THPT Phước Bình (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
230	THPT Phước Bình (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
231	THPT Đa Kìa	Khu vực 1
232	THPT Đăk Ô	Khu vực 1
233	THCS & THPT Đăk Mai	Khu vực 1
234	THCS & THPT Võ Thị Sáu	Khu vực 1
235	PTDTNT THCS & THPT Bù Gia Mập	Khu vực 1
236	THPT Thanh Hòa (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
237	THPT Thanh Hòa (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
238	THCS & THPT Tân Tiến	Khu vực 1
239	THPT Lộc Ninh (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1

240	THPT Lộc Ninh (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
241	THPT Lộc Thái (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
242	THPT Lộc Thái (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
243	THPT Lộc Hiệp (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
244	THPT Lộc Hiệp (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
245	THPT Bình Long	Khu vực 1
246	THPT Nguyễn Huệ A (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
247	THPT Nguyễn Huệ A (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
248	THPT chuyên Bình Long	Khu vực 1
249	THPT Nguyễn Hữu Cảnh A (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
250	THPT Nguyễn Hữu Cảnh A (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
251	THPT Trần Phú A	Khu vực 1
252	THPT Chơn Thành (Trước ngày 01/10/2022)	Khu vực 2 NT
253	THPT Chơn Thành (Từ ngày 01/10/2022)	Khu vực 2
254	THPT Chu Văn An A (Trước ngày 01/10/2022)	Khu vực 2 NT
255	THPT Chu Văn An A (Từ ngày 01/10/2022)	Khu vực 2
256	THCS&THPT Minh Hưng (Trước ngày 01/10/2022)	Khu vực 2 NT
257	THCS&THPT Minh Hưng (Từ ngày 01/10/2022)	Khu vực 2
258	THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm	Khu vực 1
259	Cao đẳng nghề Bình Phước	Khu vực 2
260	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 11 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
261	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 11 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
262	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Trước ngày 01/10/2022)	Khu vực 2 NT
263	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Từ ngày 01/10/2022)	Khu vực 2
264	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
265	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
266	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
267	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
268	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 13 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
269	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 13 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2
270	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 14 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
271	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 14 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
272	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 15 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
273	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 15 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
274	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 16 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
275	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 16 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT
276	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 17 (Trước ngày 04/6/2021)	Khu vực 1
277	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 17 (Từ ngày 04/6/2021)	Khu vực 2 NT

**Phụ lục IV****XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT**

(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDĐT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ của Sở GDĐT)

**1. Miễn thi tất cả các môn thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT:**

a) Người được triệu tập tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực các môn văn hóa được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
- Kết quả rèn luyện cả năm lớp 12 đạt mức tốt, kết quả học tập cả năm lớp 12 đạt mức từ khá trở lên;
- Có tên trong danh sách miễn thi của Bộ GDĐT.

b) Người trong đội tuyển tham gia các cuộc thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực về khoa học kỹ thuật, văn hóa - văn nghệ được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
- Kết quả rèn luyện và học tập cả năm lớp 12 đạt mức từ đạt trở lên;
- Có tên trong công văn đề nghị miễn thi và xác nhận tham dự tập huấn và dự thi đúng quy định của cơ quan tuyển chọn gửi đến sở GDĐT trước ngày thi tốt nghiệp THPT.

c) Người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế thi; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung: Được Hiệu trưởng trường phổ thông nơi đăng ký học tập xác nhận kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân từng năm ở cấp THPT; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế thi; có giấy xác nhận bị nhiễm chất độc hóa học và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

## **2. Miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:**

a) Thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT được miễn thi môn ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT;

b) Người có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại **Phụ lục VII** kèm theo hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GDĐT công nhận tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (đạt từ bậc 3 trở lên và có giá trị sử dụng đến ngày **10/6/2026**) được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT;

c) Người có đủ điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ nhưng vẫn muốn tham gia thi môn Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp thì phải sử dụng kết quả thi môn Ngoại ngữ để tính điểm xét tốt nghiệp THPT.

## **3. Miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:**

Người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đạt từ bậc 3 trở lên) được miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT. Đối với người có đủ điều kiện miễn thi môn Ngữ văn nhưng vẫn muốn tham gia thi môn Ngữ văn trong kỳ thi tốt nghiệp thì phải sử dụng kết quả thi môn Ngữ văn để tính điểm xét tốt nghiệp THPT.

## **4. Bảo lưu điểm thi**

1. Thí sinh đã dự thi đủ các môn thi quy định nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả thi được bảo lưu điểm thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT trong kỳ thi năm liền kề tiếp theo. Môn thi được bảo lưu phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

2. Trong trường hợp thí sinh dự thi môn thi được bảo lưu thì phải sử dụng kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp.

### **5. Điểm ưu tiên**

1. Xét công nhận tốt nghiệp THPT tính theo 3 diện gồm Diện 1, Diện 2, Diện 3; trong đó, thí sinh Diện 1 là những thí sinh bình thường không được cộng điểm ưu tiên; thí sinh Diện 2 và Diện 3 được cộng điểm ưu tiên.

2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

a) Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81 % (đối với GDTX);

b) Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động;

c) Người dân tộc thiểu số;

d) ) Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

đ) Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hóa học;

e) Có tuổi đời từ 35 trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

a) Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

b) Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX);

c) Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

4. Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

5. Những diện ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

## **6. Điểm khuyến khích**

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây trong thời gian học ở cấp THPT được cộng điểm khuyến khích để xét công nhận tốt nghiệp THPT:

1. Đạt giải cá nhân trong kỳ thi chọn học sinh giỏi: Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh được cộng 2,0 điểm; giải khuyến khích trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh được cộng 1,5 điểm; giải ba cấp tỉnh được cộng 1,0 điểm;

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lý, Hóa học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức.

a) Đối với giải cá nhân: Đạt giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng được cộng 2,0 điểm; giải khuyến khích quốc gia hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc được cộng 1,5 điểm; giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng được cộng 1,0 điểm;

b) Đối với giải đồng đội: Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia; số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội theo quy định cụ thể của Ban Tổ chức từng giải; mức điểm khuyến khích được cộng cho các cá nhân trong giải đồng đội được thực hiện như đối với giải cá nhân quy định tại điểm này.

3. Những người học đạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi/kỳ thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

## 7. Điểm xét tốt nghiệp THPT

7.1. Điểm xét tốt nghiệp THPT (ĐXTN) gồm:

a) Điểm các môn thi thí sinh dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT được quy về thang điểm 10 để tính ĐXTN;

b) Điểm trung bình các năm học ở cấp THPT (*ĐTB các năm học*) được tính theo công thức dưới đây:

$$\text{ĐTB các năm học} = \frac{(\text{ĐTB lớp 10}) \times 1 + (\text{ĐTB lớp 11}) \times 2 + (\text{ĐTB lớp 12}) \times 3}{6}$$

Trong đó, ĐTB lớp 10, ĐTB lớp 11, ĐTB lớp 12 là điểm trung bình cộng của tất cả các môn học được đánh giá bằng điểm số của từng năm học đó. ĐTB từng năm học và ĐTB các năm học được làm tròn đến 2 (hai) chữ số thập phân.

c) Điểm ưu tiên (ƯT), khuyến khích (KK) nếu có.

7.2. Công thức xét công nhận tốt nghiệp

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left( \frac{\text{Tổng điểm các môn dự thi}}{\text{Tổng số các môn dự thi}} + \frac{\text{Tổng điểm KK (nếu có)}}{4} \right) + \text{ĐTB các năm học}}{2} + \text{Điểm ƯT (nếu có)}$$

3. ĐXTN được lấy đến hai chữ số thập phân, do phần mềm máy tính tự động thực hiện.

4. Đối với thí sinh học theo Chương trình GDPT/GDTX mà trên học bạ có tính ĐTB từng năm học thì được sử dụng điểm này để thay thế cho việc tính ĐTB các môn học tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. ĐTB các năm học chỉ tính trên những năm học mà thí sinh học theo Chương trình GDPT/GDTX của Việt Nam.

## 8. Công nhận tốt nghiệp THPT

1. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, tất cả các môn thi đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có ĐXTN từ 5,0 (năm) điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định khoản 1 tại Điều 39 Quy chế này được công nhận tốt nghiệp THPT.

**Phụ lục V****DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ***(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ của Sở GDĐT)***DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

<b>TT</b>	<b>Môn Ngoại ngữ</b>	<b>Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu</b>	<b>Đơn vị cấp chứng chỉ</b>
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm - TOEIC (4 kỹ năng) Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120	Educational Testing Service (ETS)
		IELTS 4.0 điểm	British Council (BC); International Development Program (IDP)
		- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - B1 Linguaskill	Cambridge Assessment English; Cambridge University Press & Assessment
		Aptis ESOL B1	British Council (BC)
		- Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2 - Pearson Test of English Academic (PTE Academic) 43 điểm - Versant English Placement Test (VEPT) 43 điểm	Pearson
		Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đạt từ Bậc 3	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF 300 điểm - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP); Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International - FEI)
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
			Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation”)
		- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency - Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1	Viện Goethe (Goethe-Institut)
		- DSD cấp độ B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
		J.TEST cấp độ D	Công ty TNHH Gobun Kenkyusya (Gobun Kenkyusya Co., Ltd)
7	Tiếng Hàn	TOPIK cấp độ 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc

## Phụ lục VI

# MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI

SỐ GDĐT.....MÃ SỐ: 

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Số phiếu: 

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử, file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

## A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) 

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

Ngày Tháng Năm

3. Dân tộc (Ghi bằng chữ):..... Quốc tịch nước ngoài (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng) 

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Nơi thường trú:

Mã tỉnh (Tp)

Mã xã (phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), xã (phường) vào dòng trống sau:

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường, tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10:.....

Năm lớp 11:.....

Năm lớp 12:.....

Tên lớp 12:.....

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại:.....

Email:.....

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

## B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh học chương trình GDPT Thí sinh học chương trình GDTX 10. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT (2) 

11. Dự thi tại Hội đồng thi:.....

Mã hội đồng 

12. Nơi ĐKDT:.....

Mã đơn vị ĐKDT 

13. Đăng ký môn thi (Thí sinh đăng ký dự thi môn nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng, riêng đối với môn Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 – Tiếng Anh; N2 – Tiếng Nga; N3 – Tiếng Pháp; N4 – Tiếng Trung Quốc; N5 – Tiếng Đức; N6 – Tiếng Nhật; N7 – Tiếng Hàn).

Toán  Vật lí  Sinh học  Địa lí  Giáo dục kinh tế và pháp luật  Công nghệ Nông nghiệp Ngữ văn  Hoá học  Lịch sử  Tin học  Công nghệ Công nghiệp  Ngoại ngữ 

14. Đăng ký miễn thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi):..... Điểm thi (Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):

15. Đăng ký miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: (Thí sinh là người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt đủ điều kiện theo quy định để được miễn thi, thí sinh ghi rõ bậc trên chứng chỉ vào ô này):

16. Đăng ký môn thi xin bảo lưu (Thí sinh ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào ô tương ứng):

Toán  Vật lí  Sinh học  Địa lí  Giáo dục kinh tế và pháp luật  Công nghệ Nông nghiệp Ngữ văn  Hoá học  Lịch sử  Tin học  Công nghệ Công nghiệp  Ngoại ngữ 

## CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày tháng năm 20.....

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ảnh 4x6

Xác nhận người khai phiếu này đang học lớp.....

trường.....

Hoặc đang cư trú ở xã, phường.....

tỉnh.....

Hiệu trưởng các trường nơi HS đang học hoặc Công an xã, phường nơi thí sinh tự do đăng cư trú tại địa phương ký tên và đóng dấu (chỉ đóng một dấu có phần giáp lai trên ảnh)

Ngày tháng năm 20.....

(Ký tên và đóng dấu)

## NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Trước khi khai phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh phải đọc kỹ các mục và bản **HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU**, những điểm nào chưa rõ thí sinh phải hỏi người tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn đầy đủ. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin khai trong Phiếu ĐKDT.

- Thí sinh ĐKDT trực tuyến theo quy định và nộp hồ sơ minh chứng hưởng ưu tiên cho điểm tiếp nhận hồ sơ. Sau khi hoàn thành rà soát, điểm tiếp nhận hồ sơ in Phiếu ĐKDT và ký tên, đóng dấu và trả 01 bản cho thí sinh.

- Trường hợp thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp phải khai thông tin giống nhau ở trên bì đựng Phiếu ĐKDT và Phiếu ĐKDT (bản giao lại cho thí sinh) rồi nộp cho nơi tiếp nhận đăng hồ sơ kèm theo 2 ảnh cỡ 4x6 kiểu Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (có ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, vào mặt sau tấm ảnh, 2 ảnh này đựng trong một phong bì nhỏ). Riêng đối với thí sinh thuộc điểm b, c, d khoản 1 Điều 19 của Quy chế thi phải nộp bổ sung bản sao (photocopy) 2 mặt Thẻ Căn cước/Căn cước công dân trên 1 mặt của tờ giấy A4. Bên ngoài bì đựng Phiếu ĐKDT phải được Công an xã/phường nơi thí sinh đang cư trú ký tên và đóng một dấu để xác nhận nhân thân thí sinh.

- Thí sinh lưu giữ Phiếu ĐKDT được bàn giao lại để nhận Giấy báo thi, Giấy chứng nhận kết quả thi. Trong trường hợp có những sai sót thông tin đăng ký dự thi hoặc bị thất lạc Giấy báo thi thí sinh đem Phiếu ĐKDT này trực tiếp tới Điểm thi vào buổi tập trung phổ biến quy chế để đề nghị sửa chữa sai sót và làm thủ tục dự thi.



## HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

**Mục SỞ GDĐT..... MÃ SỐ:** Thí sinh đăng ký tại đơn vị đăng ký dự thi thuộc Sở GDĐT nào thì ghi tên Sở GDĐT vào vị trí trống, sau đó điền 2 chữ số biểu thị mã Sở GDĐT vào 2 ô trống tiếp theo, mã Sở GDĐT do Bộ GDĐT quy định.

**Mục Số phiếu:** Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

**Mục 1, 2:** Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

**Mục 3: Dân tộc** ghi đúng theo giấy khai sinh; **Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

**Mục 4:** Số Thẻ Căn cước, Căn cước công dân, mã số định danh cá nhân và số Hộ chiếu được viết chung là Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân tại mục này.

**Mục 5:** Mã tỉnh/thành phố và mã xã/phường theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

**Mục 6:** Ghi tên trường và xã/phường, tỉnh/thành phố của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GDĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐSP thì ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh/thành phố theo nơi thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với thí sinh tự do ghi “TDO”.

**Mục 7:** Ghi rõ điện thoại, email.

**Mục 8:** Thí sinh phải ghi rõ thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã/phường, tỉnh/thành phố.

**Mục 9:** Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình GDPT hay chương trình GDTX cấp THPT.

**Mục 10:** Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

**Mục 11:** Thí sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi nào thì ghi tên Hội đồng thi và mã Hội đồng thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

**Mục 12:** Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

**Mục 13:** Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải dự thi Toán, Ngữ văn và 02 môn thi đã được học ở lớp 12 trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp THPT) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu môn thi nào thì phải ghi điểm môn thi đó ở **Mục 16**.

**Mục 14:** Đối với thí sinh có nguyện vọng miễn thi môn Ngoại ngữ, cần ghi rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT. Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô “**Điểm thi**”.

**Ví dụ: 14. Đăng ký miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT :** (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi): TOEFL ITP **Điểm thi**

**Mục 15:** Đối với thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng miễn thi môn Ngữ văn, cần ghi rõ mức điểm toàn bài đạt được, bậc đạt được (nếu có).

**Mục 16:** Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của môn thi nào thì ghi điểm môn thi đó vào ô tương ứng./.

## Phụ lục VII

## MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

SỞ GD&ĐT.....MÃ SỐ: 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

Số phiếu: 

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh thì **KHÔNG PHẢI** khai Phiếu này;  
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

## A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) 

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

  

Ngày

Tháng

Năm

3. Dân tộc (Ghi bằng chữ):.....

Quốc tịch nước ngoài (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng) 

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Thí sinh tự do (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)

## B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

6. Kết quả kết quả rèn luyện ở lớp 12: .....

7. Kết quả kết học tập ở lớp 12: .....

8. Điểm trung bình năm học:      Lớp 10            Lớp 11            Lớp 12      9. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng) 

## 10. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Đạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải ....., điểm cộng:.....;

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải ....., điểm cộng:.....

11. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp (Ghi ký hiệu theo diện trong hướng dẫn) : 

## C. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Học bạ:..... Có  không 2. Giấy khai sinh (bản sao):..... Có  không 3. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:..... Có  không 4. Chứng chỉ để miễn thi Ngoại ngữ:..... Có  không 5. Chứng chỉ để miễn thi Ngữ văn:..... Có  không 6. Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi:..... Có  không 7. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... Có  không 

8. Giấy tờ khác (nếu có):.....

## D. CAM ĐOAN

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

**Ghi chú:** Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.

Ngày tháng năm .....

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên .....

Ngày tháng năm .....

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....

Ngày tháng năm .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKDT

(Ký tên và đóng dấu)

.....

.....

## HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

### I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

*Thí sinh thuộc một trong các diện:*

#### 1. Diện 1: **Không được cộng điểm ưu tiên.**

Còn gọi là diện bình thường.

*Ký hiệu: D1*

#### 2. Diện 2: **Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:**

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.

*Ký hiệu: D2-TB2*

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng.

*Ký hiệu: D2-CAH*

- Người dân tộc thiểu số.

*Ký hiệu: D2-TS2*

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

*Ký hiệu: D2-VS2*

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học.

*Ký hiệu: D2-CHH*

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

*Ký hiệu: D2-T35*

#### 3. Diện 3: **Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:**

- Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

*Ký hiệu: D3-TS3*

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

*Ký hiệu: D3-TB3*

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

*Ký hiệu: D3-CLS*

*\* Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

### II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

#### 1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

#### 2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lý, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

*\* Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

*\* Học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi/kỳ thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.*

### III. LƯU Ý:

- Mục 5: Thí sinh tự do là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi.

**Phụ lục VIII**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH TỐT NGHIỆP THPT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH TỐT NGHIỆP THPT**

Kính gửi: Hội đồng thi .....

Họ và tên thí sinh: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Dân tộc: .....

Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân: .....

Số điện thoại:.....

Học sinh trường (Ghi tên trường phổ thông nơi học lớp 12): .....

Số báo danh: .....

Đã dự thi môn: .....

Lý do đề nghị xét đặc cách: .....

Minh chứng để hưởng đặc cách: .....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày      tháng      năm

**Người viết đơn**  
**(ký, ghi rõ họ tên)**

**Phụ lục IX****MẪU ĐƠN XÁC NHẬN BẢO LƯU ĐIỂM THI ĐỀ XÉT  
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026***(Kèm theo Công văn số: \_\_\_\_\_ /SGDDĐT-QLCL ngày \_\_\_\_\_ của Sở GDĐT)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐƠN XIN XÁC NHẬN BẢO LƯU ĐIỂM THI  
ĐỀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026**

Kính gửi: .....

Tôi tên: .....

Ngày sinh:.....

Nay làm đơn này kính đề nghị .....

xác nhận điểm bảo lưu Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, cụ thể như sau:

Tên bài thi/môn thi thành phần bảo lưu	Điểm thi
Toán	
Ngữ văn	
Vật lí	
Hóa	
Sinh	
Sử	
Địa	
GDKTPL	
Tin học	
Công nghệ Công nghiệp	
Công nghệ Nông nghiệp	
Ngoại ngữ	

Lý do: Bổ sung vào hồ sơ đăng ký xét tốt nghiệp THPT năm 2026

Xin chân thành cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2026

Hiệu trưởng/Giám đốc

Người làm đơn

**Phụ lục X****ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN**

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học  
và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)

<b>Đối tượng</b>	<b>Mô tả đối tượng, điều kiện</b>
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.